

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

- *Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Sơn; 2. Bà Lê Thị Bảy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa:* ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2026/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Lương Văn H**, giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 3 năm 1986, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: **thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; họ và tên bố: **Lương Văn T** (đã chết); họ và tên mẹ: **Hà Thị T1**, sinh năm 1962; Tiền án: Không; Tiền sự: ngày 08/01/2026 bị **công an xã T**, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2026 tại Phân trại tạm giam **T - Công an tỉnh T**; (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Hà Văn C**, giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 6 năm 2003, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: **thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; họ và tên bố: **Hà Văn H1** (đã chết); họ và tên mẹ: **Lương Thị T2** (đã chết);

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2026 tại Phân trại tạm giam **T - Công an tỉnh T**; (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho các bị cáo **Lương Văn H** và **Hà Văn C**: ông **Hoàng Đức H2** – Trợ giúp viên pháp lý, **Trung tâm trợ giúp nhà nước tỉnh T**. (Có mặt)

Bị hại: Anh **Vi Văn T3**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Vi Văn B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Vũ Thị K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn D, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Lương Thị T4, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

(Tất cả những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 06/02/2026, Lương Văn H ngồi uống rượu với Hà Văn C tại nhà anh trai của H là Lương Văn N ở thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H rủ C xuống lán của H tại thôn Đ, xã T để tiếp tục uống rượu. Trong quá trình uống rượu, do thiếu tiền tiêu xài nên Lương Văn H nảy sinh ý định đi trộm cắp trâu để giết thịt bán lấy tiền và rủ Hà Văn C cùng tham gia, C đồng ý.

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 07/02/2026, Hà Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36D1-309.50 chở Lương Văn H đi đến khu vực đồi chăn thả trâu thuộc thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Khi đến nơi, H và C quan sát thấy đàn trâu đang được chăn thả tự do, không có người trông coi nên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. H lấy một đoạn dây thừng dài khoảng 6m đưa cho C để bắt trâu. Sau đó, C dùng dây thừng bắt và trói 01 con nghé của gia đình anh Vi Văn T3. Sau khi bắt được nghé, C gọi H cùng đi tìm gậy để giết nghé. C dùng khúc gỗ keo đánh vào đầu con nghé làm con nghé chết tại chỗ.

Sau khi giết nghé, H và C sử dụng dao mang theo để mổ, xẻ thịt nghé ngay tại hiện trường rồi dùng bát gói thịt đưa lên xe mô tô chở đi tiêu thụ. Khoảng 05 giờ sáng cùng ngày, H và C mang thịt nghé đi bán dọc đường từ xã T xuống xã N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình tiêu thụ tài sản, H và C đã bán cho ông Vi Văn B một cái đuôi nghé với giá 500.000 đồng; bán cho bà Vũ Thị Kim T5 và xương với giá 300.000 đồng. Những người mua thịt không biết số thịt trên là tài sản do phạm tội mà có.

Theo Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 10/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T, tỉnh Thanh Hóa xác định 01 con nghé có trị giá 7.000.000 đồng.

Sau khi vụ việc bị phát hiện, ngày 07/02/2026, Lương Văn H và Hà Văn C đã đến Công an xã T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với ông **Vi Văn B**, bà **Vũ Thị K** và bà **Lương Thị T4**, quá trình điều tra xác định những người này không biết thịt nghé là tài sản do **H** và **C** phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại anh **Vi Văn T3** số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bồi thường thêm 2.000.000 đồng, các bị cáo cũng thống nhất bồi thường cho bị hại thêm 2.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại anh **Vi Văn T3** số thịt nghé, đầu nghé, dạ dày nghé và các chân nghé thu giữ được; trả lại xe mô tô biển kiểm soát 36D1-309.50 cho ông **Đới Xuân S** là chủ sở hữu hợp pháp. Các vật chứng còn lại được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 10 - Thanh Hóa để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKSKV10 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo **Lương Văn H** và **Hà Văn C** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo **Lương Văn H** và **Hà Văn C** phạm tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Lương Văn H**; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Hà Văn C**; đề nghị xử phạt bị cáo **Lương Văn H** từ 10 tháng đến 13 tháng tù; bị cáo **Hà Văn C** từ 07 tháng đến 10 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại anh **Vi Văn T3** số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bồi thường thêm 2.000.000 đồng, các bị cáo cũng thống nhất bồi thường cho bị hại thêm 2.000.000 đồng nên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng, mỗi bị cáo 1.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ; 01 đoạn dây thừng; 02 con dao (dạng dao nắm); 02 tấm bạt đen là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 10 - Thanh Hóa quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 48/VC-THADS ngày

28/4/2026 nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo **Hà Văn C** 780.000 đồng.

- Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với quan điểm xử lý của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; sau khi phạm tội đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm. Đối với bị cáo **Hà Văn C**, người bào chữa đề nghị xem xét thêm tình tiết phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có vai trò thấp hơn trong vụ án để áp dụng mức hình phạt khoan hồng hơn. Ngoài ra, người bào chữa còn đề nghị HĐXX xem xét các bị cáo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn để miễn án phí cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo **Lương Văn H** và **Hà Văn C** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 07/02/2026, tại khu vực đồi chăn thả trâu thuộc thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa, Lương Văn H và Hà Văn C đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Vi Văn T3 để thực hiện hành vi trộm cắp 01 con nghé trị giá 7.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, các bị cáo đã giết, mổ thịt ngay tại hiện trường rồi mang đi tiêu thụ lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân.

Hành vi của các bị cáo Lương Văn H và Hà Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo vì mục đích vụ lợi, lợi dụng đêm khuya và sự sơ hở trong quản lý tài sản để thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Lương Văn H là người khởi xướng, rủ rê, chỉ địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp tham gia giết, mổ và tiêu thụ tài sản chiếm đoạt nên giữ vai trò chính. Bị cáo Hà Văn C là người thực hành tích cực, trực tiếp bắt nghé, giết và vận chuyển tài sản đi tiêu thụ nhưng vai trò thấp hơn bị cáo H. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò, tính chất tham gia của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lương Văn H có nhân thân xấu, trước khi phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo Hà Văn C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi vụ việc bị phát hiện đã đầu thú; gia đình các bị cáo đã bồi thường phần lớn thiệt hại cho bị hại nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Hà Văn C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 2.000.000 đồng; các bị cáo đều đồng ý bồi thường và tự nguyện thỏa thuận mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng cho người bị hại. Xét

thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp quy định tại các Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584; 586; 587; 589 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã trả lại cho anh Vi Văn T3 số thịt nghé, đầu nghé, dạ dày nghé và các chân nghé là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 36D1-309.50, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Đới Xuân S, ông S không biết việc các bị cáo sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho ông S là có căn cứ.

Đối với 01 (Một) đoạn gậy gỗ dài 131cm, đường kính lớn nhất 6cm, đường kính nhỏ nhất 5cm; 01 (Một) đoạn dây thừng có chiều dài 6m05, đường kính 1cm; 01 (Một) con dao (dạng dao nắm) đã bị rỉ sét, chiều dài 44,5cm, cán dao dài 13,5cm, lưỡi dao dài 31cm, bản rộng nhất 4,5cm, bản nhỏ nhất 2,5cm, dao đã qua sử dụng; 01 (Một) con dao (dạng dao nắm) đã bị rỉ sét, chiều dài 44,5cm, cán dao dài 13,5cm, lưỡi dao dài 31cm, bản rộng nhất 5,5cm, bản nhỏ nhất 3cm, dao đã qua sử dụng; 01 (Một) tấm bạt đen dài 240cm, rộng 110cm; 01 (Một) tấm bạt đen dài 120cm, rộng 100cm là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 10 - Thanh Hóa quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 48/VC-THADS ngày 28/4/2026 nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Hà Văn C số tiền 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) do ông Lê Đăng A nộp theo Giấy nộp tiền ngày 28/4/2026 vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh T tại Ngân hàng N1 (A1) - Chi nhánh T6, tỉnh Thanh Hóa. Đây là số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Đối với ông Vi Văn B, bà Vũ Thị K và bà Lương Thị T4, quá trình điều tra xác định những người này không biết tài sản mua bán là do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lương Văn H;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Văn C;

Căn cứ các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 357, 584, 586, 587, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn H và Hà Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Lương Văn H 9 (C1) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2026.

- Bị cáo Hà Văn C 7 (B1) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2026.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa người bị hại anh Vi Văn T3 với các bị cáo. Chia phần:

- Bị cáo Lương Văn H bồi thường thêm cho anh Vi Văn T3 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Bị cáo Hà Văn C bồi thường thêm cho anh Vi Văn T3 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) đoạn gậy gỗ dài 131cm, đường kính lớn nhất 6cm, đường kính nhỏ nhất 5cm; 01 (Một) đoạn dây thừng có chiều dài 6m05, đường kính 1cm; 01 (Một) con dao (dạng dao nắm) đã bị rỉ sét, chiều dài 44,5cm, cán dao dài 13,5cm, lưỡi dao dài 31cm, bản rộng nhất 4,5cm, bản nhỏ nhất 2,5cm, dao đã qua sử dụng; 01 (Một) con dao (dạng dao nắm) đã bị rỉ sét, chiều dài 44,5cm, cán dao dài 13,5cm, lưỡi dao dài 31cm, bản rộng nhất 5,5cm, bản nhỏ nhất 3cm, dao đã qua sử dụng; 01 (Một) tấm bạt đen dài 240cm, rộng 110cm; 01 (Một) tấm bạt đen dài 120cm, rộng 100cm hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 10 - Thanh Hóa quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 48/VC-THADS ngày 28/4/2026.

- Trả lại cho bị cáo **Hà Văn C** số tiền 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) do ông **Lê Đăng A** nộp theo Giấy nộp tiền ngày 28/4/2026 vào tài khoản của Thi hành án **dân sự tỉnh T** tại **Ngân hàng N1 (A1) - Chi nhánh T6, tỉnh Thanh Hóa**.

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo **Lương Văn H** và **Hà Văn C**.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và bị hại. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND KV10 – Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THA DS Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Công Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Công Tuấn